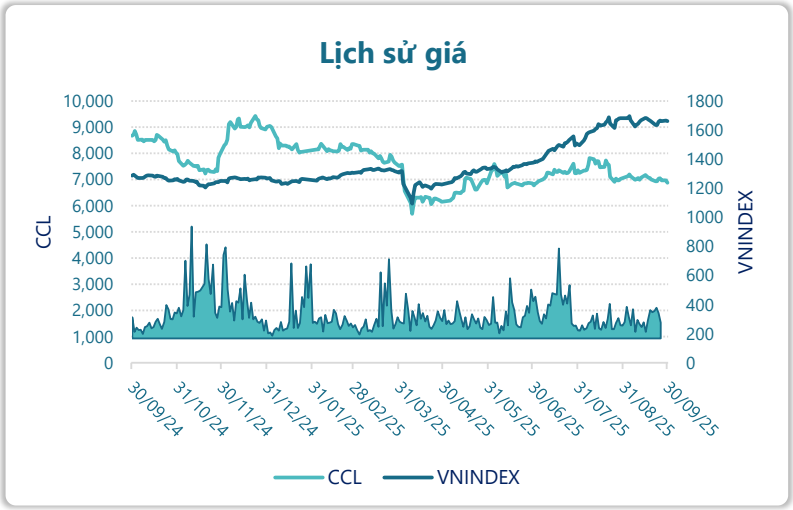
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HSX: CCL)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,880**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,430
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,690
SL cổ phiếu LH	59,581,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)	249,635
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	410
P/E	11.3
EPS	610

DT thuần

Q3/25

79.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼52.6| -39.9%

YoY: ▲ 0.40| 0.5%

LN sau thuế

Q3/25

7.23

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.97| -40.7%

YoY: ▼6.07| -45.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

20.9%

+/- YoY: ▼ 9.5%

DT thuần

9T 2025

279

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.0| 11.3%

LN sau thuế

9T 2025

33.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -15.2%

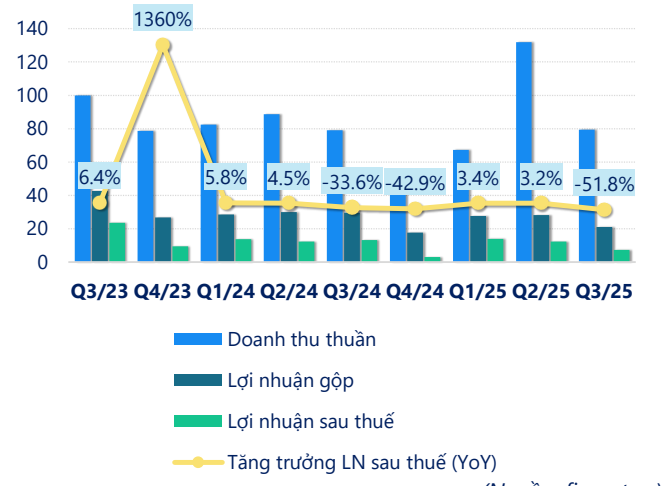
ROE

Q3/25

5.0%

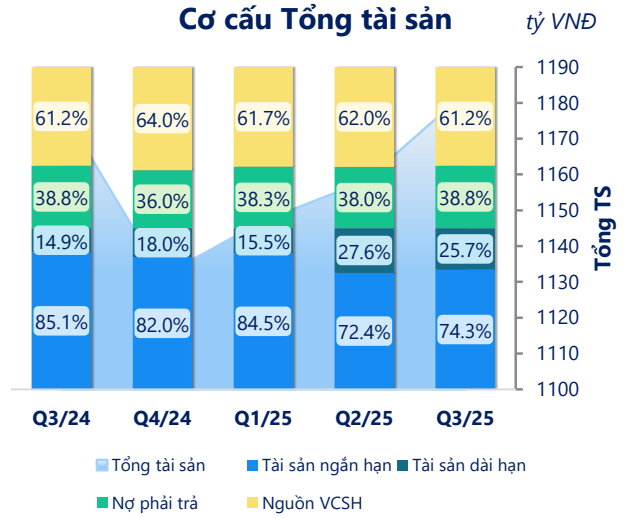
+/- YoY: ▼ 1.9%

Kết quả kinh doanh



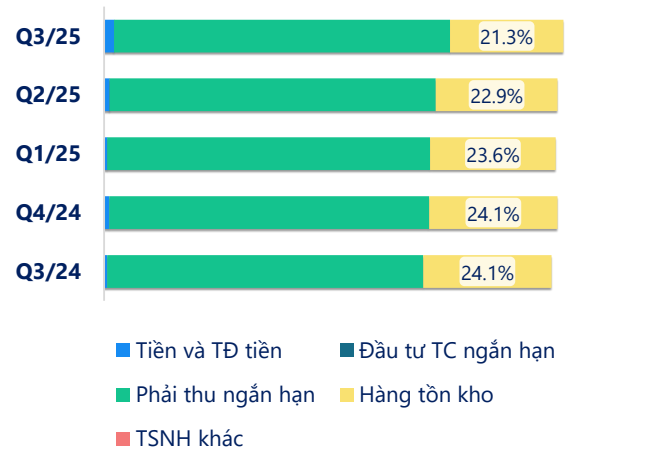
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



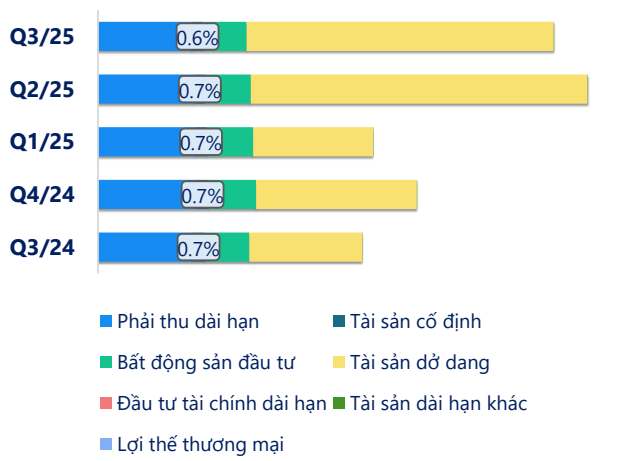
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



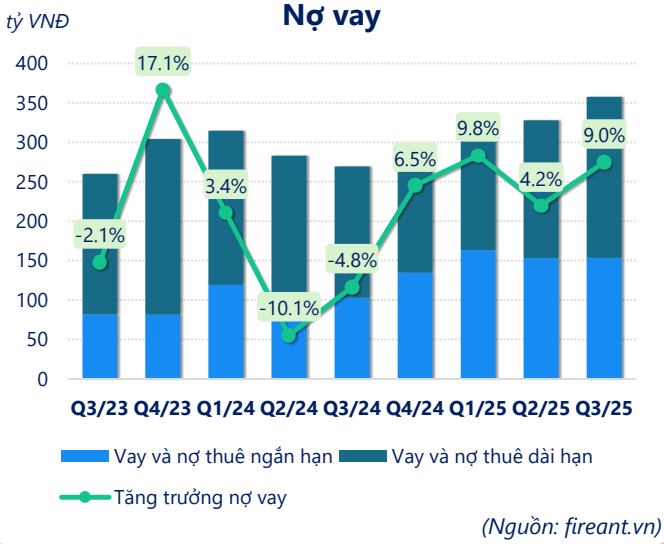
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



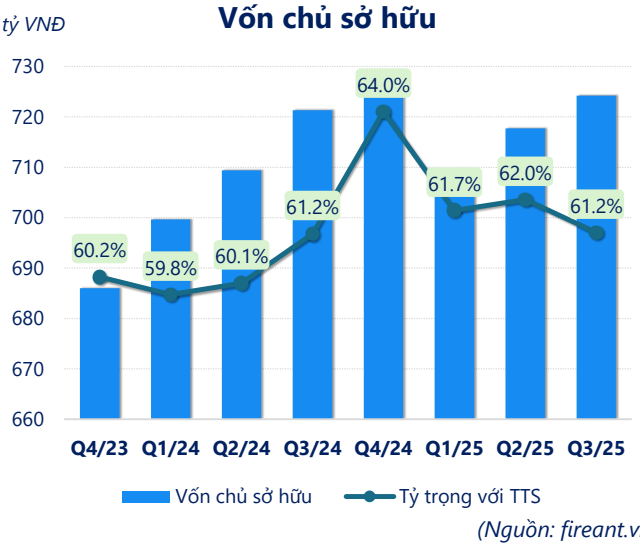
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



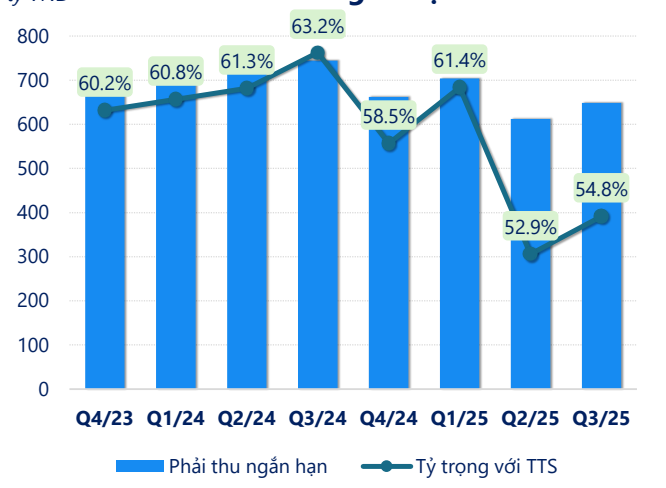
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



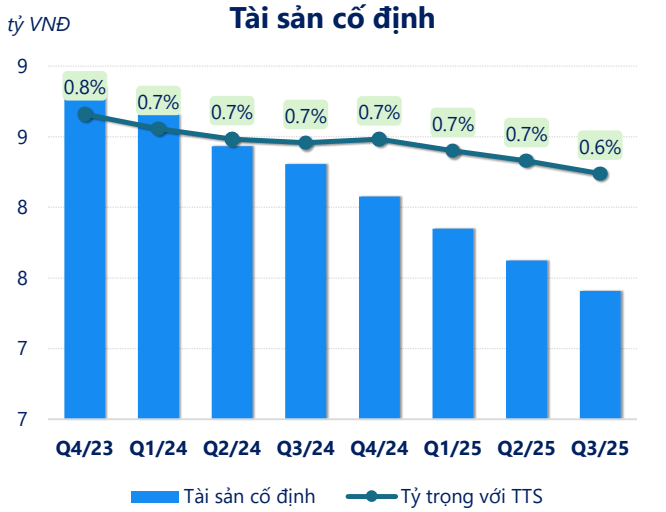
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



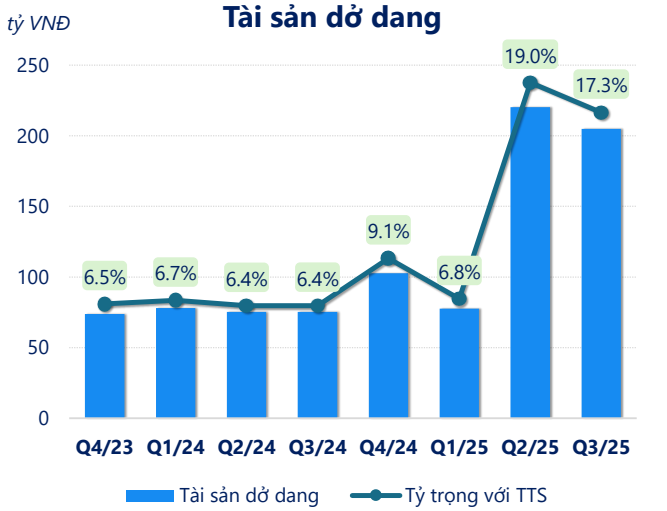
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



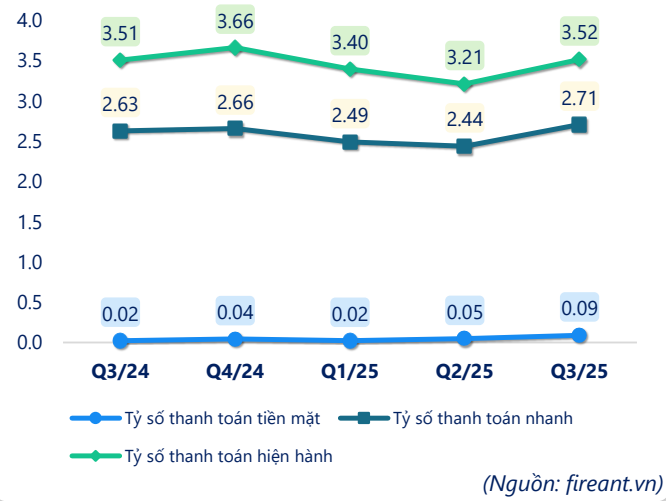
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



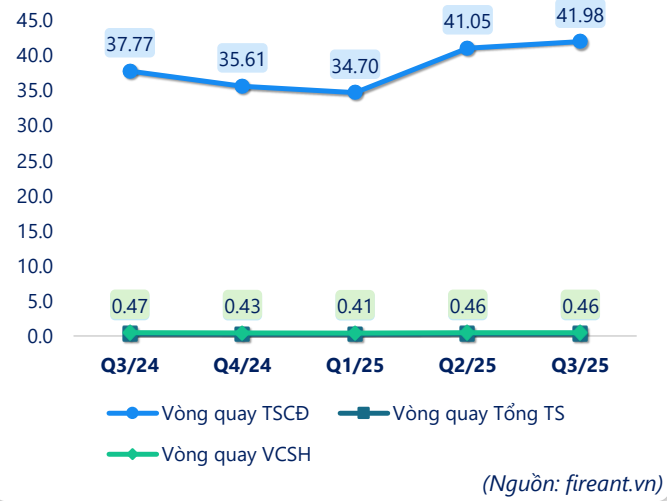
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,179**	**1,132**	**1,147**	**1,158**	**1,183**
Tài sản ngắn hạn	**1,003**	**928**	**969**	**838**	**879**
Tiền và tương đương tiền	6.80	11.0	6.45	12.2	22.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.02	0.02	0.02	11.4	5.77
Phải thu ngắn hạn	744	662	704	612	648
Hàng tồn kho	251	255	258	202	202
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	**176**	**204**	**178**	**320**	**304**
Phải thu dài hạn	62.8	62.8	62.8	62.8	62.8
Tài sản cố định	8.31	8.08	7.85	7.62	7.41
Bất động sản đầu tư	29.5	30.2	29.8	29.4	29.0
Tài sản dở dang	75.2	103	77.6	220	205
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.16	0.13	0.10	0.07	0.05
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**457**	**408**	**439**	**440**	**459**
Nợ ngắn hạn	**286**	**253**	**285**	**261**	**250**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	135	163	153	153
Phải trả người bán ngắn hạn	8.09	7.48	2.55	4.56	3.88
Nợ dài hạn	171	154	154	179	209
Vay và nợ thuê dài hạn	166	152	151	175	204
Nguồn vốn chủ sở hữu	**721**	**724**	**708**	**718**	**724**
Vốn chủ sở hữu	**721**	**724**	**708**	**718**	**724**
Vốn điều lệ	596	596	596	596	596
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)